

Số: 38 /QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ Đại học chính quy tập trung dài hạn
Học kỳ 2 năm học 2016 – 2017
(Từ tháng 1/2017 đến tháng 6/2017)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư 08/2014/TT-BGD & ĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ vào quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 về Học bổng và Trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo Công lập;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 về điều chỉnh mức HBCS và TCXH đối với HSSV là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại QĐ số 1121/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào kết quả xét trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ chính quy dài hạn học kỳ 2 năm học 2016 – 2017;

Theo đề nghị của Phó Trưởng phòng Công tác HSSV và Trưởng phòng Kế hoạch tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm 2016 – 2017 cho 129 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Mức trợ cấp 140.000đ/01 tháng đối với sinh viên là dân tộc vùng cao(DT-VC):

$$117 \text{ SV} \times 140.000\text{đ} \times 6 \text{ tháng} = 98.280.000\text{đ}$$

Mức trợ cấp 100.000đ/01 tháng đối với sinh viên là con mồ côi (CMC) và hộ nghèo học giỏi (HN-HG):

$$12 \text{ SV} \times 100.000\text{đ} \times 6 \text{ tháng} = 7.200.000\text{đ}$$

Cộng: **105.480.000đ**

Số tiền bằng chữ: Một trăm linh năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Điều 2. Các ông Phó Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, đơn vị có liên quan và những HSSV thuộc đối tượng ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Xuân Minh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TRỢ CẤP XÃ HỘI

HỌC KỲ II NĂM HỌC 2016-2017

Kèm theo quyết định số: 38 /QĐ-ĐHKTCN ngày 15 tháng 5 năm 2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức TC/ 01 tháng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	K125520201033	Ngô Văn Mạnh	K48HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
2	K125520201064	Nguyễn Thị Tuyến	K48HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
3	K125520201115	Triệu Văn Thái	K48HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
4	K125520201040	Phổng Chàn Phin	K48KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
5	K125520201045	Thào A Su	K48KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
6	K125520201188	Đinh Việt Hoàng	K48KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
7	K125520216043	Đinh Thị Ly	K48TĐH.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
8	K125520216023	Lưu Trung Hưng	K48TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
9	K125520216090	Nguyễn Văn Đức	K48TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
10	K125520201012	Hoàng Văn Cảnh	K48TBĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
11	K125520201094	Lâm Quốc Khánh	K48TBĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
12	K125520201263	Lường Văn Huy	K48TBĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
13	K125520201093	Ngọc Văn Huy	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
14	K135520201094	Lư Huy Hoàng	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
15	K135520201118	Thào A Tủa	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
16	K135520201199	Thào A Cở	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
17	K135520201202	Triệu Quang Dũng	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
18	K135520201295	Triệu A Pù	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
19	K125580205061	Hà Thị Thảo	K49HTĐ.01	MOCOI	100.000	6	600.000	
20	K135520201064	Hoàng Thanh Vinh	K49KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
21	K135520201160	Nguyễn Thị Ly	K49KTĐ.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
22	K135520201207	Ngô Văn Đức	K49KTĐ.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
23	K135520201182	Nông Thị Thoa	K49KTĐ.02	HN-HG	100.000	6	600.000	
24	K135520201322	Phan Thị Nhị	K49KTĐ.02	HN-HG	100.000	6	600.000	
25	K135520201196	Tần Kim Bình	K49KTĐ.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
26	K135520201247	Nguyễn Văn Toàn	K49KTĐ.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
27	K135520216022	Đàm Thành Hoàng	K49TĐH.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
28	K135520216032	Lục Thị Lanh	K49TĐH.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
29	K135520216044	Lý Láo Tả	K49TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
30	K135520216052	Hoàng Vĩnh Tọa	K49TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
31	K135520216148	Tô Quang Hoài	K49TĐH.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
32	K125520201014	Lăng Văn Chỉ	K49TBĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
33	K145520201004	Hoàng Văn Điệp	K50KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	

34	K145520201011	Lý Văn	Cương	K50KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
35	K145520201031	Trần Thị Khánh	Hòa	K50KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
36	K145520201132	Nguy Văn	Phương	K50KTĐ.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
37	K145520216130	Tàng Văn	Thịnh	K50TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
38	K155520201008	Nông Văn	Điền	K51KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
39	K155520216046	Lương Văn	Sơn	K51TĐH.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
40	K155520216071	Chu Thị	ánh	K51TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
41	K155520216184	Lâm Thị	Thao	K51TĐH.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
42	K155520216165	Phan Thị	Linh	K51TĐH.03	HN-HG	100.000	6	600.000	
43	K155520216222	Chu Văn	Hòa	K51TĐH.04	MOCOI	100.000	6	600.000	
44	K155520216259	Đỗ Văn	Tuân	K51TĐH.04	MOCOI	100.000	6	600.000	
45	K165520216211	Triệu Đức	Mạnh	K52ĐKT.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
46	K165520216212	Trần Công	Minh	K52ĐKT.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
47	K125520216056	Nguyễn Ngọc	Sơn	K48ĐĐK.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
48	K125520207048	Dương Văn	Bảo	K48ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
49	K125520114007	Sầm Văn	Công	K48CĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
50	K125520114019	Nguyễn Văn	Hiếu	K48CĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
51	K125520114039	Nông Văn	Thiệp	K48CĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
52	K125520114040	Hoàng Thọ	Thức	K48CĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
53	K125520207118	Lường Thị	Sơn	K49ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
54	K125520207122	Sùng Thị	Xú	K49ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
55	K135520207039	Hoàng Thị	Sao	K49ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
56	K135520207054	Nông Đức	Cảnh	K49ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
57	K135520114023	Lư Văn	Hiền	K49CĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
58	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	K49CĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
59	K135520114017	Đàm Văn	Hào	K49CĐT.01	MOCOI	100.000	6	600.000	
60	K135520207005	Triệu Ngọc	Dính	K49KĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
61	K135520207069	Lục Thị	Hiền	K49KĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
62	K145520207022	Hoàng Văn	Lộc	K50ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
63	K145520207080	Diệp Thị	Nụ	K50KĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
64	K155520216187	Vũ Đình	Thông	K51ĐĐK.01	HN-HG	100.000	6	600.000	
65	K165520207030	Lâm Văn	Thế	K52ĐTT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
66	K165520114012	Trần Văn	Dương	K52CĐT.01	MOCOI	100.000	6	600.000	
67	K125520103216	Phạm Văn	Thọ	K48CCM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
68	K125520103229	Lưu Văn	Vũ	K48CCM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
69	K125520103423	Nông Văn	Trịnh	K48CCM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
70	K125520103366	Liễu Văn	Lộc	K48CLK.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
71	K125520103018	Nông Văn	Hồi	K48KCK.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
72	K125520103207	Hoàng Văn	Nhớ	K48KCK.01	MOCOI	100.000	6	600.000	



73	K135520103036	Lò Văn	Mai	K49CCM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
74	K135520103185	Dương Xuân	Khu	K49CCM.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
75	K135520103218	Lương Văn	Tuynh	K49CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
76	K135520103327	Vàng A	Lợi	K49CCM.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
77	K125520103167	Lục Quảng	Trường	K49KGT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
78	K125520103167	Lục Quảng	Trường	K49KGT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
79	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	K49KTK.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
80	K145520103037	Lâm Văn	Mai	K50CCM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
81	K145520103138	Trần Văn	Tuấn	K50CCM.02	HN-HG	100.000	6	600.000	
82	K145520103203	Hoàng Ngọc	Sơn	K50CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
83	K145520103213	Nông Thắm	Tuấn	K50CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
84	K145520103303	Đinh Quốc	Việt	K50KC.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
85	K155520103036	Hoàng Văn	Linh	K51KC.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
86	K155520103100	Hoàng Văn	Hung	K51KC.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
87	K155520103199	Triệu Văn	Thục	K51KC.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
88	K155520103239	Luân Văn	Hùng	K51KC.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
89	K135510604018	Hoàng Thị	Hòa	K49KTN.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
90	K135510604046	Nguyễn Thị	Vân	K49KTN.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
91	K135510604031	Chu Thị	Nụ	K49QTN.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
92	K135510604089	Lăng Thu	Thảo	K49QTN.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
93	K145510604038	Triệu Văn	Tuấn	K50KTN.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
94	K155510601004	Triệu Thị	Quyến	K51KTN.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
95	K125520103056	Vương Văn	Vượng	K48CDL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
96	K125520103198	Phạm Quang	Huy	K48CDL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
97	K125520103277	Vi Văn	Hiếu	K48CDL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
98	K135520103118	Lao Văn	Nguyên	K49CDL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
99	K135520103433	Mùng Duy	Tùng	K49CDL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
100	K145510205052	Lò Văn	Tính	K2 CN-KTO.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
101	K145520103209	Lý Văn	Tú	K50CDL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
102	K145520103272	Viên Văn	Nhượng	K50CDL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
103	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	K50CDL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
104	K125520201116	Lăng Ngọc	Thành	K48AP.I	DT-VC	140.000	6	840.000	
105	K125140214020	Đổng Thị Ngọc	ánh	K49SKĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
106	K145510301102	Nông Ngọc	Quyến	K2 CN-ĐĐT.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
107	K155510202009	Hoàng Hải	Phong	K51CN-CTM.01	MOCOI	100.000	6	600.000	
108	K125520320029	Nguyễn Tô	Hoàng	K48KTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
109	K125520320032	Lù Văn	Khường	K48KTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
110	K125520320035	Hà Thị Trúc	Linh	K48KTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
111	K125520320041	Ma Thị	Như	K48KTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	

112	K125520320042	Trương Văn	Quản	K48KTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
113	K125580201051	Đinh Thiện	Tĩnh	K48KXC.01	DT-TTVC	140.000	6	840.000	
114	K125580201014	Vy Văn	Hải	K48KXC.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
115	K125580201040	Nông Khánh	Phát	K48KXC.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
116	K125580201057	Hoàng Văn	Thiệp	K48KXC.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
117	K125580201068	Cao Sinh	Trường	K48KXC.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
118	K125580201069	Hà Bế	Trung	K48KXC.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
119	K125580201144	Hoàng Đế	Thiên	K48KXC.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
120	K125580205006	Hà Đại	Hải	K48KXG.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
121	K125580205012	Bàn Hữu	Quốc	K48KXG.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
122	K125580205041	Lưu Đình	Tuyên	K48KXG.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
123	K125580205044	Dương Công	Huân	K48KXG.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
124	K125580205047	Hoàng Tuấn	Bình	K48KXG.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
125	K125580205065	Lý Hoàng	Tiểu	K48KXG.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
126	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	K49KTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
127	K135520320065	Đinh Ngọc	Thủy	K49KTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
128	K135580201018	Vương Văn	Hải	K49KXC.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
129	K135580201108	Đàm Văn	Đức	K49KXC.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
		Cộng						105.480.000	

Bảng chữ: Một trăm linh năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP

PHÒNG CTHSSV

PHÒNG KH-TC

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Thu



ThS. Nguyễn Tiến Dũng



Nghiêm Văn Tiền



PGS.TS. Trần Xuân Minh